

Bản án số: 87/2026/HSST
Ngày 28/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hữu Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Chắt và bà Phùng Thị Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Ngọc Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quang Toại, Kiểm sát viên.

Ngày 28/5/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình; xét xử công khai vụ án Hình sự sơ thẩm thụ lý số 69/2026/TLST-HS ngày 28/4/2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2026/QĐXXST-HS ngày 14/5/2026 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn T, sinh năm 2002; nơi cư trú xóm A, xã Q, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0372020037xx; Cấp ngày 28/01/2024; nơi cấp: Cục C, Bộ C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Phạm Thị K; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Quốc H, sinh ngày 28/02/2007; nơi cư trú xóm K, xã K, tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0372070034xx; cấp ngày 25/5/2025; nơi cấp: Cục C, Bộ C1; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A và bà Trương Thị H1; Vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; hiện đang bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Ông Phạm Ngọc H2, sinh năm 1964 và bà Đào Thị T1, sinh năm 1970 cùng cư trú tại xóm B, xã B, tỉnh Ninh; có mặt bà T1, vắng mặt ông H2.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Đức A1, anh Đinh Tiến Đ và bà Phạm Thị K; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2023, ông Phạm Ngọc H2, sinh năm 1964, trú tại xóm B, xã B, tỉnh Ninh Bình vay của ngân hàng S số tiền 1.300.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ ông H2 chưa có tiền để trả nên đã vay của anh Đinh Tiến Đ, sinh năm 1998, trú tại xóm D, xã Đ, tỉnh Ninh Bình là nhân viên ngân hàng S để làm thủ tục đáo hạn và đưa cho anh Đ cầm 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình để làm tin. Hai bên thống nhất không tính mức lãi suất và thỏa thuận trong thời hạn

10 ngày, ông H2 phải trả lại số tiền trên cho anh Đ. Sau đó, anh Đ đã nhiều lần yêu cầu ông H2 trả tiền nhưng ông H2 chưa trả. Đầu năm 2025, anh Đ nhiều lần rủ anh họ là Nguyễn Đức A1, sinh năm 1991, trú tại xóm H N, xã Q, tỉnh Ninh Bình xuống nhà ở của ông H2 để đòi tiền nợ nhưng ông H2 vẫn chưa trả. Khoảng cuối tháng 8/2025, trong lúc uống rượu với Phạm Văn T, Nguyễn Đức A1 kể việc ông H2 nợ 1.300.000.000 đồng và đã đòi nhiều lần nhưng ông H2 chưa trả, Đức A1 bức xúc và muốn tìm cách để ông H2 trả nợ, T hứa sẽ giúp Đức A1 đòi được tiền. T đã nảy sinh ý định ném chất bẩn vào nhà ông H2 để đe dọa; T đã chuẩn bị 01 hộp sơn màu đỏ, pha dầu lynn cùng với mắm tôm đựng trong 01 can nhựa màu vàng và 02 bộ khóa cửa để sẵn ở nhà. Khoảng 23 giờ ngày 04/9/2025, T rủ Trần Quốc H đến nhà ông H2 để ném chất bẩn, H đồng ý. T đưa xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen (không nhớ biển số) cho H điều khiển, T ngồi sau cầm hộp sơn; 02 bộ khóa cửa, can nhựa đựng dầu lynn pha mắm tôm để ở giá hàng phía trước. Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 05/9/2025, khi tới nhà ông H2, H dừng xe ở ven đường đối diện nhà ông H2 để cảnh giới, T cầm khóa đến khóa cửa nhà và cửa quán bán hàng nhà ông H2 rồi quay lại chỗ H lấy hộp sơn và can nhựa dầu lynn. T dùng lynn pha mắm tôm đổ dưới nền gạch trước cửa quán, dùng hộp sơn hất vào 02 cánh cửa xếp bằng kim loại màu xanh nhà ông H2. Sau khi thực hiện xong cả hai đi về nhà, trên đường về T đã vứt can nhựa, hộp sơn và chìa khóa ở ven đường. Ngày 06/10/2025, ông H2 đã có đơn trình báo sự việc trên đến Công an xã B giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự xã B kết luận: Vật liệu và giá nhân công để khôi phục lại hiện trạng ban đầu cho bộ C2 làm bằng kim loại, màu sơn xanh, kích thước (4,5 x 2,7)m, mặt ngoài của cửa xếp bị dính nhiều vết sơn đỏ, đã khô là 2.300.000 đồng.

Cáo trạng số 38/CT-VKS-KV4 ngày 24/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn T, Trần Quốc H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Trần Quốc H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng, tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo T cho UBND xã Q, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Quốc H từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng trong thời gian chấp hành hình phạt. Giao bị cáo T cho UBND xã K, tỉnh

Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc khoá, gồm 01 chiếc khoá dây và 01 chiếc khoá còng đều đã bị cắt một đầu.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Văn T và Trần Quốc H đều thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng; nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận, bào chữa. Nói lời sau cùng các bị cáo đều trình bày xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường; kết quả định giá tài sản vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 00 giờ 10 phút ngày 05/9/2025, tại xóm B, xã B, tỉnh Ninh Bình, Phạm Văn T có hành vi chuẩn bị sơn, luyên pha mắ m tôm để đồ, hắt chất bẩn vào nhà ông Phạm Ngọc H2 gây thiệt cho gia đình ông H2 số tiền 2.300.000đ. Trần Quốc H có hành vi điều khiển xe mô tô chở T và đứng cạnh giới cho T thực hiện hành vi phạm tội là đồng phạm với vai trò giúp sức. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Điều 178. Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản

1. Người nào hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm hại đến trật tự công cộng, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Ninh Bình truy tố các bị cáo Phạm Văn T và Trần Quốc H theo bản cáo trạng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong phần bồi thường, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 2 bị cáo, nên cả 2 bị cáo đều được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự.

[4] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất đồng phạm giản đơn; trị giá phần tài sản mà bị cáo làm hư hỏng không lớn, cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội và đảm bảo tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Xong khi lượng hình cần xem xét vai trò, tính chất mức độ tham gia phạm tội, nhân thân của các bị cáo:

Đối với bị cáo Phạm Văn T là người khởi xướng, rủ rê và trực tiếp thực hiện hành vi, nên bị cáo phải chịu loại hình phạt cao hơn bị cáo H; tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp.

Đối với bị cáo Trần Quốc H là người bị rủ rê lôi kéo phạm tội với vai trò giúp sức, nên bị cáo bị áp dụng loại hình phạt thấp hơn bị cáo T; tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ Điều 36 của Bộ luật Hình sự áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp. Khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong vụ án này, Nguyễn Đức A1 và Đinh Tiến Đ không bàn bạc, thống nhất hoặc thuê Phạm Văn T, Trần Quốc H đến hất chát bản nhà ông Phạm Ngọc H2 và cũng không biết việc làm của T và H, nên không có căn cứ để xử lý đối với A1 và Đ về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chi phí sửa chữa, khắc phục tài sản bị hư hỏng đã được các bị cáo chi trả đầy đủ, bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối 02 chiếc khoá gồm 01 chiếc khoá dây, nhãn hiệu Việt Tiệp, đã bị cắt một đầu; 01 chiếc khoá càng đã bị cắt một đầu, liên quan đến hành vi làm hư hỏng tài sản nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, Điều 65 đối với bị cáo Phạm Văn T;

Căn cứ khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Điều 36 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Quốc H;

Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn T và Trần Quốc H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, tính từ ngày tuyên án 28/5/2026. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, bị cáo Phạm Văn T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh N nhận được Quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã K, tỉnh Ninh Bình nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp bị cáo Trần Quốc H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 02 chiếc khoá gồm 01 chiếc khoá dây và 01 chiếc khoá còng đều đã bị cắt một đầu(vật chứng mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/4/2026 giữa Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4, Ninh Bình).

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn T và Trần Quốc H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, bị hại là bà Đào Thị T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại là ông Phạm Ngọc H2 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 4.
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Bình.
- Bị cáo.
- Bị hại.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Hữu Ý

